

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc Sửu

Ông Nguyễn Văn Kiêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bộ - Kiểm sát viên .

Ngày 05 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2021/TLST- HS ngày 08 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2021/QĐXXST- HS ngày 19 tháng 02 năm 2021 đối với bị cáo:

* Họ và tên: Vũ Xuân H, sinh năm 1984

Tên gọi khác: không; nơi cư trú: thôn L, xã H, huyện T, tỉnh B; nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hoá: 1/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vũ Xuân Q (đã chết) và bà: Nguyễn Thị Th; vợ: Nguyễn Thị H; con: có 01 con, sinh năm 2020; tiền sự: không; tiền án: Tại Bản án số 116/2018/HSST ngày 30/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt Vũ Xuân H 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 BLHS, thời hạn tù tính từ ngày 16/5/2018, bị cáo chấp hành xong phần hình phạt tù vào ngày 16/02/2019; nhân thân: Tại Bản án số 18/2011/HSST ngày 27/5/2011 của Tòa án nhân dân huyện T xử phạt bị cáo Vũ Xuân H 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 17/02/2011. Tại Bản án số 37/2011/HSST ngày 18/8/2011 của Tòa án nhân dân huyện V xử phạt bị cáo Vũ Xuân H 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt 18 tháng tù của Bản án số 18/2011/HSST ngày 27/5/2011 của Tòa án nhân dân huyện T, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho 02 Bản án là 03 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 17/02/2011. Tại Bản án số 25/2015/HSST ngày 28/7/2015 của Tòa án nhân dân huyện T xử phạt bị cáo Vũ Xuân H 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 05/01/2015.

Bị cáo bị bắt người bị giữ trong trong trường hợp khẩn cấp, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/12/2020, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B (có mặt tại phiên tòa).

* Bị hại:

- Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1982 (có đơn xin vắng mặt)

- Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Anh Nguyễn Văn Th do chị Nguyễn Thị M đại diện theo ủy quyền

Đều cư trú: Làng Đ, xã Ng, huyện T, tỉnh B.

* Người làm chứng:

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn L, xã Ng, huyện T, tỉnh B;

- Ông Phạm Văn H, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Nơi cư trú: tổ dân phố Đ, thị trấn C, huyện T, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng hơn 05 giờ ngày 20/12/2020 Vũ Xuân H, sinh năm 1984, trú tại thôn L, xã H, huyện T, tỉnh B sau khi sửa xe ô tô cho người quen xong thì H một mình đi bộ đến khu vực chợ M thuộc tổ dân phố Đ, thị trấn C, huyện T, tỉnh B để đi về nhà. Khi H đi bộ qua cửa một nhà dân, thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn đỏ đen, biển kiểm soát 98Y2 - 3100, xe vẫn vẫn mở khóa điện, trên xe có giá hàng phía trước, phía sau của chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1982 trú tại Làng Đ, xã Ng, huyện T, tỉnh B để tại đây để chị M vào chợ M lấy hàng về bán tại gia đình. Quan sát thấy xung quanh không có người để ý nên H nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô này để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. H đi lại gần, rồi ngồi lên xe mô tô, nổ máy điều khiển xe về nhà tại thôn L, xã H, huyện T, tỉnh B. Khi về đến nhà H dùng 01 (một) chiếc cờ lê bằng kim loại có chiều dài 13 cm, trên chiếc cờ lê một đầu có số 12, một đầu có số 10, thân cờ lê có chữ HM và 01 (một) chiếc mỏ lết bằng kim loại có chiều dài 20 cm, trên chiếc mỏ lết có chữ 8 PROFESSIONAL U.S.A (của H dùng để đi sửa chữa ô tô) tháo giá đỡ hàng, biển kiểm soát xe mô tô, giá đỡ hàng phía trước, ốp bảo vệ máy ra khỏi xe mô tô. Sau khi tháo xong H cất biển kiểm soát 98Y2- 3100, cờ lê, mỏ lết vào trong cốp xe. Đến khoảng 8 giờ ngày 20/12/2020, khi H đang ở nhà thì có người thu mua sắt vụn (H không biết tên, tuổi, địa chỉ) đi qua nhà H nên H đã bán giá đỡ hàng phía trước, giá đỡ hàng phía sau, ốp bảo vệ máy cho người này được số tiền 60.000 đồng (sáu mươi nghìn đồng). Đến khoảng 14 giờ cùng ngày 20/12/2020, H điều khiển xe mô tô đến nhà mẹ vợ ở thôn L, xã Ng, huyện T, tỉnh B chơi. Khi H điều khiển xe đi đến địa phận thôn Tr, xã C, huyện T, tỉnh B thì H mở cốp xe mô tô, lấy chiếc biển kiểm soát 98Y2 - 3100 ném xuống rìa đường bên phải theo hướng đi từ phố Ng, thị trấn C, huyện T đi xã Ng, huyện T. Sau đó, H tiếp tục điều khiển xe mô tô đến nhà mẹ vợ tại thôn L, xã Ng, huyện T, tỉnh B chơi đến chiều tối H điều

khiến xe mô tô về nhà và tiếp tục sử dụng chiếc xe mô tô trộm cắp được của chị M làm phương tiện đi lại trong ngày 20/12/2020 và ngày 21/12/2020.

Đến khoảng 9 giờ, ngày 22/12/2020, H điều khiển xe mô tô trộm cắp được của chị M đi đến nhà mẹ vợ ở thôn L, xã Ng, huyện T, tỉnh B chơi. Khi đến nhà mẹ vợ thì chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1994 trú tại thôn L, xã Ng, huyện T, tỉnh B (là vợ H) lấy xe mô tô H trộm cắp được ngày 20/12/2020 để đi chợ. Chị H điều khiển xe mô tô đến cửa hàng của chị Nguyễn Thị M mua hàng, thì chị M nhận ra đó là chiếc xe của mình đã bị trộm cắp vào ngày 20/12/2020 tại chợ M, thị trấn C, huyện T, tỉnh B nên chị M đã báo cho Công an xã Ng để giữ chiếc xe mô tô trên giao nộp cho Công an huyện T.

Trước đó, ngày 21/12/2020, chị M đã đến trình báo Cơ quan điều tra Công an huyện T về việc mất trộm chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98Y2- 3100.

Căn cứ lời khai của chị Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị M và vật chứng thu giữ; Ngày 22/12/2020 Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Vũ Xuân H về hành vi “Trộm cắp tài sản”. Tại Cơ quan CSĐT Công an huyện T, Vũ Xuân H đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên; Đồng thời khai nhận số tiền 60.000 đồng bán giá để hàng phía trước, giá để hàng phía sau, ốp bảo vệ máy của chiếc xe mô tô H đã ăn tiêu cá nhân hết.

Ngày 22/12/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện T tiến hành xác định hiện trường nơi H rút biển kiểm soát của chiếc xe mô tô trộm cắp thu giữ được: 01 biển kiểm soát xe mô tô 98Y2- 3100. Đồng thời tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở, đồ vật của Vũ Xuân H kết quả không thu giữ gì liên quan đến hành vi phạm tội.

Căn cứ lời khai của Vũ Xuân H ngày 24/12/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện T tiến hành kiểm tra cốp xe mô tô 98Y2- 3100 đã phát hiện, thu giữ: 01 (một) chiếc cờ lê bằng kim loại có chiều dài 13 cm, trên chiếc cờ lê một đầu có số 12, một đầu có số 10, thân cờ lê có chữ HM và 01 (một) chiếc mỏ lết bằng kim loại có chiều dài 20 cm, trên chiếc mỏ lết có chữ 8 PROFESSIONNAL U.S.A.

Tại Kết luận định giá tài sản số 78/KL-ĐGTS ngày 23/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự định giá: 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn đỏ đen, số máy: 1337603, số khung: 136734, biển kiểm soát: 98Y2- 3100, phần nhựa phía trước đèn (mặt nạ) đã bị vỡ, xe cũ đã qua sử dụng vào thời điểm ngày 20/12/2020 trị giá: 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng chẵn).

Tại kết luận định giá tài sản số 07/KL-ĐGTS ngày 20/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự định giá: 01 (một) giá đỡ hàng phía sau bằng kim loại, màu đen, không có nhãn hiệu, cũ đã qua sử dụng trị giá 30.000 đồng (Ba mươi nghìn đồng chẵn); 01 một giá hàng phía trước bằng kim loại, màu trắng, không có nhãn hiệu, cũ đã qua sử dụng trị giá 20.000 đồng (Hai mươi nghìn đồng chẵn); 01 một biển kiểm soát 98Y2- 3100 trị giá 50.000 đồng (Năm mươi nghìn đồng chẵn); 01 giá bảo vệ ốp máy, không có nhãn hiệu, cũ

đã qua sử dụng trị giá 10.000 đồng (Mười nghìn đồng chẵn). Tổng giá trị tài sản là 110.000 đồng (Một trăm mười nghìn đồng chẵn).

Quá trình điều tra bị cáo H đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 09/CT-VKS ngày 05/02/2021 của Viện kiểm sát huyện T, tỉnh B đã truy tố bị cáo Vũ Xuân H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T giữ nguyên bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Vũ Xuân H phạm tội “Trộm cắp tài sản, xử phạt bị cáo Vũ Xuân H từ 20 tháng tù đến 24 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam ngày 22/12/2020. Về hình phạt bổ sung: không phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo. Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng và án phí.

Tại phiên tòa bị cáo Hoàng thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã nêu. Tại phần tranh luận, bị cáo không tranh luận gì, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T; Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, bị hại và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay bị hại anh Th vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho chị M. Chị M có đơn xin vắng mặt, người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, tuy nhiên họ đã có lời khai trong quá trình điều tra. Sự vắng mặt này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 292; khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về tội danh và hình phạt: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của bị hại và người làm chứng, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm và diễn biến của quá trình bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng hơn 05 giờ 00 phút ngày 20/12/2020, tại khu vực chợ M thuộc tổ dân phố Đ, thị trấn C, huyện T, tỉnh B; Vũ Xuân H, sinh năm 1984, trú tại thôn L, xã H, huyện T, tỉnh B đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn đỏ đen, số máy: 1337603, số khung: 136734, biển kiểm soát: 98Y2- 3100, trên xe có lắp ốp bảo vệ máy và giá đỡ hàng phía

trước, phía sau bằng kim loại, có tổng trị giá là: 8.110.000 đồng của gia đình chị Nguyễn Thị M.

Khi thực hiện hành vi chiếm đoạt chiếc xe mô tô của gia đình chị M trị giá 8.110.000 đồng, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên hành vi của bị cáo đã có đầy đủ các yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội danh và hình phạt áp dụng đối với bị cáo được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó, bản cáo trạng truy tố bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Xét nhân thân của bị cáo thì thấy: bị cáo là người có nhân thân không tốt. Bị cáo H đã nhiều lần bị kết tội bằng bản án của Tòa án.

Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Tại Bản án số 116/2018/HSST ngày 30/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt Vũ Xuân H 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bị cáo chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Xét về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, cần xem xét để giảm nhẹ cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Từ những phân tích, đánh giá về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của người bị hại được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Do đó phải áp dụng hình phạt tù tương xứng nhằm giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: bị cáo không có thu nhập ổn định, không có tài sản gì nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

[5] Đối với chị Nguyễn Thị H là vợ của H đã sử dụng chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda- Wave, biển kiểm soát 98Y2- 3100 nhưng khi sử dụng chị H không biết chiếc xe này là tài sản do H trộm cắp có được nên chị H không vi phạm pháp luật.

[6] Đối với người thu mua sắt vụn mua của H tài sản trộm cắp là giá để hàng phía trước, giá để hàng phía sau, ốp bảo vệ máy với số tiền 60.000 đồng (sáu mươi nghìn đồng) nhưng H không biết tên, tuổi, địa chỉ của người này nên không có căn cứ thu hồi tài sản và không có căn cứ xem xét xử lý đối với người này.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại cho gia đình chị Nguyễn Thị M chiếc xe mô tô bị trộm cắp, đến nay chị M không có

yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về vật chứng: 01 (một) chiếc cờ lê bằng kim loại có chiều dài 13 cm, trên chiếc cờ lê một đầu có số 12, một đầu có số 10, thân cờ lê có chữ HM và 01 (một) chiếc mỏ lết bằng kim loại có chiều dài 20 cm, trên chiếc mỏ lết có chữ 8 PROFESSIONNAL U.S.A là tài sản của H, H đã dùng chiếc cờ lê và chiếc mỏ lết này để tháo giá đỡ hàng, biển kiểm soát xe mô tô, giá đỡ hàng phía trước, ốp bảo vệ máy ra khỏi xe mô tô nên cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Về án phí: bị cáo H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[10] Về quyền kháng cáo: bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt là có căn cứ cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 331; khoản 1 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Tuyên bố bị cáo Vũ Xuân H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Vũ Xuân H 20 (hai mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam ngày 22/12/2020. Không phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Hoàng.

2. Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) chiếc cờ lê bằng kim loại có chiều dài 13 cm, trên chiếc cờ lê một đầu có số 12, một đầu có số 10, thân cờ lê có chữ HM.

+ 01 (một) chiếc mỏ lết bằng kim loại có chiều dài 20 cm, trên chiếc mỏ lết có chữ 8 PROFESSIONNAL U.S.A.

3. Về án phí: Bị cáo Vũ Xuân H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án./.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- Sở tư pháp tỉnh B;
- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu Hs, Vp.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Oanh